TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1005/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;

2. Bà Phan Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Hải Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 674/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 259/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số 336 đường Nguyễn Kim Cương, tổ 8, ấp 6, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, đường Nguyễn Kim Cương, tổ 8, ấp 6, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 28/5/2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Duy T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày

09/9/2003 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 224, quyển số 02/2003. Sau khi kết hôn, ông bà ở chung với nhà chồng ở ấp 6, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng năm 2013 thì ông bà mua được đất và ra đó cất nhà riêng để ở tại ấp 6, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, ông bà không có hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T không chịu đi làm, suốt ngày ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần, bà phải lo chạy vạy để trả nợ cho ông T. Việc ông T nợ nần do ăn chơi bà đã phải trả nợ cho ông T quá nhiều lần nên cũng không thể nhớ hết, lần gần nhất ông T gây nợ là gần tết năm 2019 ông T đã gây nợ 140.000.000 đồng. Ngoài ra ông T còn ăn nhậu suốt ngày mà không lo cho con cái. Bà đã chịu đựng nhiều năm rồi nên thấy rất mệt mỏi. Đến tháng 3 năm 2020, bà chịu hết nổi nên có cãi nhau thì ông T đánh bà nên bà đã bỏ nhà về nhà ba má ruột của bà tại: Số 336 đường Nguyễn Kim Cương, tổ 8, ấp 6, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà nhận thấy giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 08/7/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 13/8/2010. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị Kim L và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà A trình bày khi nộp đơn khởi kiện, bà trình bày là không có tài sản chung nhưng thực tế ông bà có đất (đất mua bằng giấy tay) và cũng có cất nhà trên đó. Nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà A trình bày không có.

* Theo Biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2020 và Biên bản hòa giải ngày 25/8/2020, bị đơn là ông Nguyễn Duy T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị A tự nguyện đến với nhau từ năm 2000, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 224, quyển số 02/2003, ngày 09/9/2003. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại gia đình của ông ở: Tổ 8, ấp 6, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh được một thời gian thì ông bà mua đất ra cất nhà riêng để ở cũng gần nhà mẹ ruột của ông. Quá trình chung sống, giữa ông bà có xảy ra một chút mâu thuẫn. Do ông có chơi bài bạc và cũng có nhậu nhẹt, không chăm lo được cho gia đình, nhưng bản thân bà A có quan hệ với người đàn ông khác nên không còn quan tâm đến ông. Do đó, giữa ông bà thường hay cãi nhau, cách đây hơn 5 tháng ông bà cãi nhau và ông có đánh bà A một bạc tai thế là bà A bỏ nhà đi về nhà chị ruột của bà A để ở từ đó cho đến nay. Nhưng thật sự bản thân ông còn thương vợ con nên ông không muốn ly hôn với bà A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 08/7/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 13/8/2010. Nếu như phải ly

hôn thì ông để cho bà A trực tiếp nuôi trẻ L do cháu hiện đang ở với mẹ, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T trình bày ông bà có một miếng đất mua bằng giấy tay. Hiện ông bà đã cất nhà ở trên đó. Nay ông không yêu cầu chia tài sản chung.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông T trình bày không có.

* Tại phiên tòa:

- Bà A trình bày: Tại Tòa án ông T đã trình bày là còn yêu thương vợ con không muốn ly hôn nhưng khi về nhà lại không có sự thay đổi, ông T vẫn ăn nhậu, đánh bài. Do vậy, bà nhận thấy không thể nào tiếp tục chung sống với ông T. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Duy T; yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 13/8/2010, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

- Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Duy T; giao 01 người con chung Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 13/8/2010 cho bà A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi bà A có yêu cầu; về quan hệ nợ chung: Không có; về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 28/5/2020, bà Nguyễn Thị A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Duy T hiện đang cư trú tại: Tổ 8, ấp 6, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Duy T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Duy T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 224, quyển số 02/2003 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/9/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị A thì mặc dù sau khi kết hôn, ông bà cũng đã mua được một phần đất và cũng cất nhà riêng để ở tại ấp 6, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng cuộc sống của ông bà không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông T không chịu đi làm, suốt ngày ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần, bà phải lo chạy vạy để trả nợ cho ông T. Việc ông T ăn chơi gây nợ nần, bà đã phải trả nợ cho ông T quá nhiều lần nên cũng không thể nhớ hết, lần gần nhất ông T gây nợ là gần tết năm 2019 ông T đã gây nợ 140.000.000 đồng. Ngoài ra ông T còn ăn nhậu suốt ngày mà không lo cho con cái. Bà đã chịu đựng nhiều năm rồi nên thấy rất mệt mỏi. Đến tháng 3 năm 2020, bà chịu hết nổi nên có cãi nhau thì ông T đánh bà nên bà đã bỏ nhà về nhà ba má ruột của bà tại: Số 336 đường Nguyễn Kim Cương, tổ 8, ấp 6, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Tại Tòa án ông T đã trình bày là còn yêu thương vợ con không muốn ly hôn nhưng khi về nhà lại không có sự thay đổi, ông T vẫn ăn nhậu, đánh bài. Nay bà nhận thấy giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét lời trình bày của ông Nguyễn Duy T: Về vấn đề kết hôn thì ông và bà Nguyễn Thị A tự nguyện tự nguyện đến với nhau từ năm 2000, sau đó đến năm

2003 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giống phần trình bày của bà A. Quá trình chung sống, giữa ông bà có xảy ra một chút mâu thuẫn. Do ông có chơi bài bạc và cũng có nhậu nhẹt, không chăm lo được cho gia đình, nhưng bản thân bà A có quan hệ với người đàn ông khác nên không còn quan tâm đến ông. Do đó, giữa ông bà thường hay cãi nhau, cách đây hơn 5 tháng ông bà cãi nhau và ông có đánh bà A một bạc tai thế là bà A bỏ nhà đi về nhà chị ruột của bà A để ở từ đó cho đến nay. Nhưng thật sự bản thân ông còn thương vợ con nên ông không muốn ly hôn với bà A.

Xét thấy, phần trình bày của bà A và ông T đều xác định cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống và cách sinh hoạt, cách cư xử của cả bà A và ông T. Ông T có chơi bài bạc gây nợ nần và cũng thường ăn nhậu, ông không chăm lo được cho gia đình, con cái. Bà A phải nhiều lần trả nợ thay cho ông T. Ông T nghi ngờ bà An có quan hệ với người đàn ông khác nên không còn quan tâm đến ông. Cả bà A và ông T đều thừa nhận cuộc sống của ông bà thường hay xung đột, đỉnh điểm là cách đây hơn 5 tháng ông bà cãi nhau và ông T có đánh bà A, chính vì vậy mà bà A đã bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột của bà A để ở và cũng ly thân từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của ông bà đã diễn ra trong một thời gian dài, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông T cũng không đến Tòa tham dự phiên tòa, trong quá trình giải vụ án tuy ông T có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình nhưng lại không đưa ra được giải pháp đoàn tụ gia đình. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Theo trích lục khai sinh số 709/TLKS-BS ngày 27/5/2020 và trích lục khai sinh số 710/TLKS-BS ngày 27/5/2020 thể hiện giữa bà A và ông T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 08/7/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 13/8/2010. Bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị Kim L, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng trình bày trong trường hợp ly hôn thì ông giao con cho bà A trực tiếp nuôi con do trẻ L đang ở chung với bà A, ông không cấp dưỡng nuôi con. Trẻ Nguyễn Thị Kim L cũng có nguyện vọng được chung sống với bà A. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà A tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà A và ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà A và ông T xác định không có.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 224, quyển số 02/2003 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/9/2003 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 08/7/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 13/8/2010.

Bà Nguyễn Thị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kim L; ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị A phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà A đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0084140 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo